

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 373 + 374

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 27-9-2024- | Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND quy định về mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên cho ngành Kiểm sát nhân dân Thành phố, ngành Tòa án nhân dân Thành phố, ngành Thi hành án dân sự Thành phố và Sở Ngoại vụ Thành phố. | 4 |
| 27-9-2024- | Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND quy định về tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập có số thu lớn do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý. | 7 |
| 27-9-2024- | Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND về quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 11 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 20-9-2024- Quyết định số 3883/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 13
- 23-9-2024- Quyết định số 3921/QĐ-UBND về bãi bỏ Chỉ thị số 04/2003/CT-UB ngày 24 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực trung tâm Thành phố. 16
- 24-9-2024- Quyết định số 4106/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 18
- 24-9-2024- Quyết định số 4108/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 24
- 25-9-2024- Quyết định số 4182/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. 28

-
- 26-9-2024- Quyết định số 4215/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải. 48
- 26-9-2024- Chỉ thị số 13/CT-UBND về tăng cường thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trong tình hình mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 62

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên cho ngành
Kiểm sát nhân dân Thành phố, ngành Tòa án nhân dân Thành phố, ngành
Thi hành án dân sự Thành phố và Sở Ngoại vụ Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc
hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm
2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành

văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 5334/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên cho ngành Kiểm sát nhân dân Thành phố; ngành Tòa án nhân dân Thành phố; ngành Thi hành án dân sự Thành phố và Sở Ngoại vụ Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 907/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên cho ngành Kiểm sát nhân dân Thành phố, ngành Tòa án nhân dân Thành phố, ngành Thi hành án dân sự Thành phố và Sở Ngoại vụ Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố và Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.
- Tòa án nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố và Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thành phố Thủ Đức.
- Sở Ngoại vụ Thành phố.

Điều 3. Về mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên và nguyên tắc hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ đặc thù chi hoạt động thường xuyên: 19 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

b) Không sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ tại Nghị quyết này để chi thu nhập tăng thêm.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách Thành phố đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, không để xảy ra sai sót, vi phạm, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 10 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập có số thu lớn do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 5640/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập có số thu lớn do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý; Báo cáo thẩm tra số 912/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập có số thu lớn do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện chi trả chính sách theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND).

Điều 3. Về tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương

1. Tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương thực hiện như

sau:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư:

Trích 35% số thu được để lại theo quy định từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác.

Trích 40% số thu được để lại theo quy định với các khoản thu khác ngoài các khoản thu trích 35% nêu trên.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện) có mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên từ 120% trở lên: trích 16% số thu được để lại theo quy định từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, dịch vụ y tế khác và thu khác.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện) có mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên dưới 120% và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn lại: trích 10% số thu được để lại theo quy định từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, dịch vụ y tế khác và thu khác.

Ngân sách nhà nước bố trí phần chênh lệch thiếu để chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù từ nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi các đơn vị đã thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương theo điểm a, b nêu trên cộng với các nguồn cải cách tiền lương khác theo quy định để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các nội dung chi phải sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương theo quy định pháp luật hiện hành và chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các nội dung chi phải sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương theo quy định pháp luật hiện hành và chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND mà không đề xuất ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND trong suốt thời gian thực hiện cơ chế đặc thù thì đơn vị được quyết định tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo nhu cầu của đơn vị.

3. Các đơn vị xác định phạm vi trích lập nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư hướng dẫn xác định nhu

cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở hàng năm.

4. Thời gian áp dụng: từ năm tài chính 2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch và hiệu quả theo các nguyên tắc tài chính hiện hành.

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị được quyết định tỷ lệ trích nguồn thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương theo nhu cầu của đơn vị.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được thực hiện cho đến khi Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 10 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2024/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 5456/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Nghị quyết về quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 904/BC-HĐND-ĐT ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Vùng nuôi chim yến

Vùng nuôi chim yến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

1. Thành phố Thủ Đức có 01 phường: phường Long Phước.
2. Huyện Cần Giờ có 04 xã: xã An Thới Đông, xã Bình Khánh, xã Lý Nhơn và xã Tam Thôn Hiệp.
3. Huyện Củ Chi có 09 xã: xã An Nhơn Tây, xã An Phú, xã Bình Mỹ, xã Hòa Phú, xã Nhuận Đức, xã Phú Hòa Đông, xã Phú Mỹ Hưng, xã Thái Mỹ và xã Trung An.
4. Huyện Hóc Môn có 06 xã: xã Đông Thạnh, xã Nhị Bình, xã Tân Hiệp, xã Thới Tam Thôn, xã Xuân Thới Sơn và xã Xuân Thới Thượng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo quản lý chặt chẽ vùng nuôi chim yến, quản lý việc xây dựng và hoạt động của nhà yến phù hợp quy định của pháp luật chăn nuôi và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3883/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết
tranh chấp đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
9416/TTr-STNMT-VP ngày 17 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính bị bãi

bỏ trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3883/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Thứ tự A.A1.1.1).	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
2	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Thứ tự A.A2.1).	- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (Thứ tự A.A3.1).	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3921/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về bãi bỏ Chỉ thị số 04/2003/CT-UB ngày 24 tháng 01 năm 2003
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác
bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực trung tâm Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ
về công tác văn thư;*

*Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 4218/BTCP-VĐCXDPL ngày
28 tháng 11 năm 2016 về việc trả lời một số quy định của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Công an Thành phố tại Tờ trình số 4227/TTr-CATP ngày 31
tháng 7 năm 2024 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Chỉ thị số 04/2003/CT-UB
ngày 24 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng
cường công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực trung tâm Thành phố.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban
hành**

Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 04/2003/CT-UB ngày 24 tháng 01 năm 2003 của Ủy

ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực trung tâm Thành phố.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4106/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3252/TTr-SNN ngày 19 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: 04 thủ tục hành chính mới ban hành, 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành

chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1.	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Huy Tường, phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố.
2.	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất,	Sở Tài nguyên và Môi trường (Địa chỉ: số 63, Lý Tự Trọng, phường Bến	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính	Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)		ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	nguyên và Môi trường. - Cơ quan phối hợp thực hiện: Cơ quan tài chính cấp tỉnh.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1.	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
2.	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính. 	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện. - Cơ quan phối hợp thực hiện: Cơ quan tài chính cấp huyện.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4108/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục
và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
5949/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính bị bãi
bỏ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban
nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn> (Bộ thủ tục hành chính

chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
1	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (thứ tự A.I.24).	Quyết định số 2319/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (thứ tự A.1).	Quyết định số 2319/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
1	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (thứ tự A.III.01).	Quyết định số 2319/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (thứ tự A.III.02).	Quyết định số 2319/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã	Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (thứ tự B.1).	Quyết định số 2319/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4182/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 22968/TTr-SLĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 09 thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm; Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; Giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: 04 thủ tục hành chính mới ban hành và 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy

ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự I.1, I.3, I.4, I.5, I.6 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5579/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm; an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC PHÂN CẤP THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ
84/2024/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ**

THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4182/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động						
1.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	20.500.000 đồng/lần	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; - Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa	1. Điều chỉnh cơ quan thực hiện TTHC: - Cơ quan tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Đối tượng thực hiện TTHC: - Tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C.				đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. - Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động kèm theo Thông tư số 245/2016/TT-	an toàn, vệ sinh lao động hạng C có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố (trừ các tổ chức huấn luyện do các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) thực hiện chức năng huấn luyện Hạng C cho các đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. - Tổ chức có nhu cầu tự huấn luyện
2.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (tổ chức huấn luyện do các Bộ,	- Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	- Đối với, cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 20.500.000		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C.</p>	<p>an toàn, vệ sinh lao động: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất, cấp đổi tên: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		<p>đồng/lần.</p> <p>- Đối với cấp lại khi bổ sung lĩnh vực hoạt động giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 6.500.000 đồng/lần.</p>	<p>BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.</p> <p>- Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>an toàn, vệ sinh lao động hạng C có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố (trừ các tổ chức huấn luyện do các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) thực hiện chức năng huấn luyện Hạng C cho các đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
II. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
3.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.	1. Điều chỉnh cơ quan thực hiện TTHC: - Cơ quan tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
4.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi	2. Đối tượng thực hiện TTHC: Trường cao đẳng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.- Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Việc làm						
1.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một	1. Đối tượng thực hiện TTHC: Phụ lục đính kèm. 2. Điều chỉnh cơ quan thực hiện TTHC đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) Phụ lục đính kèm:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
2.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính kèm: Không. - Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm: 600.000 đồng/01 giấy phép. - Trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến: Thu phí 0 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng thực hiện TTHC: Phụ lục đính kèm. 2. Điều chỉnh cơ quan thực hiện TTHC đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) Phụ lục đính kèm: - Cơ quan tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền giải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính kèm - 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm. 	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính kèm: Không. - Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm: 450.000 đồng/01 giấy phép. - Đối với thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến: Thu phí 0 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người 	quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
4.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc	- 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur,	- Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính	lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tại Việt Nam	<p>thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính kèm</p> <p>- 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm.</p>	Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<p>kèm: Không.</p> <p>- Đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm: 450.000 đồng/01 giấy phép.</p> <p>- Đối với thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến: Thu phí 0 đồng.</p>	<p>- Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	
5.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	<p>- 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (1) theo Phụ lục đính kèm</p> <p>- 03 ngày làm</p>	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Bộ luật Lao động năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>1. Đối tượng thực hiện TTHC: Phụ lục đính kèm.</p> <p>2. Điều chỉnh cơ quan thực hiện TTHC đối với các đối tượng thực hiện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các đối tượng thực hiện thuộc Nhóm (2) theo Phụ lục đính kèm.			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa 	<p>thuộc Nhóm (1) Phụ lục đính kèm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.	

PHỤ LỤC
ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM

STT	Tên thủ tục hành chính	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	<p>(1) Nhóm đối tượng thực hiện theo nội dung được thí điểm phân cấp tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức quốc tế, văn phòng của dự án nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành cho phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập,- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập;- Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập; <p><i>Một số trường hợp người lao động nước ngoài không phải thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài:</i></p> <p>Khoản 3, 4 và 5 Điều 154 của Bộ luật Lao động</p> <ul style="list-style-type: none">- Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất,

	<p>kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư. - Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. <p>Khoản 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên. - Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên. - Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm. - Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật. - Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam. - Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 2 Nghị định này. - Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. - Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại. <p>(2) Nhóm đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước
--	---

quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có trụ sở chính tại một tỉnh, thành phố nhưng có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác;

- Nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng.

- Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập.

- Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập.

- Làm việc cho người sử dụng lao động tại nhiều địa điểm trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập.

Một số trường hợp người lao động nước ngoài không phải thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc báo cáo giải trình thay đổi

nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài:

Khoản 3, 4 và 5 Điều 154 của Bộ luật Lao động

- Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.
- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.
- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.
- Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.
- Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Khoản 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP

- Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.
- Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.
- Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.
- Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật.
- Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam.
- Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam quy định tại điểm

		<p>1 khoản 1 Điều 2 Nghị định này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; - Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.
2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<p>(1) Nhóm đối tượng thực hiện theo nội dung được thí điểm phân cấp tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức quốc tế, văn phòng của dự án nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành cho phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; - Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập; - Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập; - Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập. <p>(2) Nhóm đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có trụ sở chính tại một tỉnh, thành phố nhưng có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác; - Nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng; - Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức do Ủy ban
3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
4	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
5	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	

	<p>nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật; - Tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã; - Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật; - Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập; - Làm việc cho người sử dụng lao động tại nhiều địa điểm trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam; - Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập; - Chào bán dịch vụ; - Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại.
--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4215/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 12557/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành

chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

- Thứ tự B1.1, B1.2, B2.1 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

- Thứ tự A.2, A.4, A.5, A.6, A.7, A.8, A.9, B.11, B.14 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC PHÂN CẤP THEO QUY ĐỊNH
TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2024/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố. - Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Bộ Giao thông vận tải 	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC: Chủ cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính

		ban hành quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định.			84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.	Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.
2	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	<p>- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố.</p> <p>- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:</p> <p>+ Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định.</p>	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	100.000 đồng/lần	<p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p> <p>- Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p>	
3	Thỏa thuận	Trong thời gian 05 ngày,	Sở Giao thông	Không	- Nghị định số	Bổ sung đổi

	nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ bến thủy nội địa	vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)		08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	trạng thực hiện TTHC: Chủ bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.
4	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	<p>- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố.</p> <p>- Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:</p> <p>+ Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định.</p>	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội</p>	

					địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.	
5	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	<p>- Chấp thuận hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ cảng, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi chủ cảng;</p> <p>- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ cảng, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài gửi chủ cảng đồng thời gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để</p>	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	100.000 đồng/lần	<p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày</p>	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC: Chủ cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

		theo dõi.			08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. - Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.	
6	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng. - Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính	Bổ sung đổi trọng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng

	<p>+ Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì gửi báo cáo kết quả thẩm định và 01 bộ hồ sơ về Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất</p>		<p>phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>	<p>kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.</p>
--	--	--	--	---

		của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư.				
7	Thiết lập khu neo đậu	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền 	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu thiết lập khu neo đậu trên cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị

					<p>Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>	<p>định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.</p>
8	Công bố hoạt động khu neo đậu	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số</p>	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hoạt động khu neo đậu trên cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước

					<p>84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>	<p>cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.</p>
9	Công bố đóng khu neo đậu	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính</p>	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu đóng khu neo đậu trên cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường

				<p>phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p> <p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.</p>	<p>thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.</p>
--	--	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA NHIỀU CƠ QUAN (SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể	- Đối với cảng thủy nội địa: Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy	Bổ sung đối tượng thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền

	địa	từ ngày đủ hồ sơ theo quy định	(63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) - Đối với bến thủy nội địa: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.		nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.	của Sở Giao thông vận tải: Chủ cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng kết nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính Thành phố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.
2	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy	- Đối với cảng thủy nội địa: Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) - Đối với bến thủy nội địa: Ủy ban	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021	

		nội địa, khu neo đậu	nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.		của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ GTVT về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT.
3	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Đối với cảng thủy nội địa: Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) - Đối với bến thủy nội địa: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.	Không	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2024

CHỈ THỊ

Về tăng cường thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trong tình hình mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những năm qua, các cấp, các ngành, các đoàn thể, quận, huyện và thành phố Thủ Đức đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trong tình hình hiện nay; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới; Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025; Thông báo số 154/TB-VPCP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Hội nghị triển khai công tác phòng, chống ma túy năm 2023 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm; Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa như mong muốn; tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy, mại dâm còn diễn biến phức tạp, hoạt động tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy (*chủ yếu ma túy tổng hợp*) trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, nhạy cảm, trong các khu chung cư, nhà cao tầng, nhà lưu trú đang có chiều hướng gia tăng; người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy ngày càng trẻ hóa. Bên cạnh đó, tình hình tệ nạn mại dâm phát sinh nhiều loại hình kinh doanh, dịch vụ, phương thức, thủ đoạn hoạt động ngày càng đa dạng và tinh vi... Đặc biệt các đối tượng lợi dụng không gian mạng để hoạt động mại dâm có xu hướng

gia tăng. Trong đó, nổi lên hiện nay là các đối tượng sử dụng nhóm kín, diễn đàn kín để hoạt động, gây rất nhiều khó khăn cho công tác xử lý của các cơ quan chức năng và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trong tình hình mới, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật, từng bước đẩy lùi tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tập trung triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tập trung tham mưu cấp ủy Đảng ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trong tình hình hiện nay; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ nội dung chương trình phòng, chống ma túy với phòng, chống mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn quản lý chặt chẽ địa bàn, không để xảy ra tệ nạn ma túy, mại dâm tại địa phương quản lý; xác định rõ vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền để phát sinh tệ nạn ma túy, mại dâm kéo dài trên địa bàn quản lý mà không có biện pháp xử lý triệt để; đồng thời đưa kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm là một trong những chỉ tiêu bình xét thi đua, đánh giá hằng năm của cơ quan, đơn vị.

3. Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác phòng ngừa, giảm hại, xác định đây là nhiệm vụ và giải pháp chiến lược, lâu dài trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm;

đổi mới nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa tội phạm về ma túy, mại dâm, thường xuyên cập nhật và phổ biến cho Nhân dân nhất là giới trẻ nhận biết về tác hại của ma túy, đặc biệt ma túy tổng hợp, tác hại của tệ nạn ma túy, mại dâm; triển khai các chương trình giáo dục, tuyên truyền cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, công nhân lao động và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao; tiếp tục xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về phòng, chống ma túy, mại dâm trên địa bàn.

4. Tăng cường công tác điều tra, kiểm tra, thanh tra, giám sát, quản lý chặt chẽ điều kiện thành lập và hoạt động kinh doanh, dịch vụ để phát sinh tệ nạn ma túy, mại dâm theo quy định của pháp luật nhằm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động này để tổ chức sử dụng ma túy và hoạt động mại dâm. Tăng cường quản lý về an ninh, trật tự; tổ chức điều tra, khám phá các vụ án, triệt phá các tổ chức phạm tội liên quan đến ma túy, mại dâm. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính, tội phạm liên quan đến ma túy, mại dâm từ cơ sở; kịp thời truy tố các tội phạm liên quan đến ma túy, mại dâm.

5. Thực hiện có hiệu công tác tổ chức cai nghiện ma túy; đẩy mạnh công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng và cai nghiện tự nguyện trong các cơ sở cai nghiện ma túy; quản lý chặt chẽ người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và người sau cai nghiện tại nơi cư trú.

6. Tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình thí điểm hỗ trợ người bán dâm, tăng cường sự tham gia của các nhóm đồng đẳng, câu lạc bộ của người bán dâm trong việc giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; hình thành mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ giảm hại; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm nhằm tạo điều kiện cho họ từng bước chuyển đổi hành vi, ổn định cuộc sống.

7. Tham mưu, đề xuất, kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét bổ sung, điều chỉnh các quy định pháp luật về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm phù hợp với đặc điểm tình hình trong giai đoạn mới.

8. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ

được giao xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện và định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chỉ thị này.

8.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả công tác tổ chức quản lý cai nghiện tập trung trên địa bàn Thành phố.

- Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm, khiêu dâm, kích dục.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về tư vấn điều trị nghiện ma túy, công tác phòng ngừa mại dâm cho đội ngũ cán bộ làm công tác phng, chống tệ nạn xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn và các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình hỗ trợ người bán dâm, người cai nghiện và người sau cai nghiện kết nối với các dịch vụ xã hội để hỗ trợ vay vốn, học nghề và giới thiệu việc làm, chăm sóc sức khỏe, dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS nhằm giúp cho người nghiện ma túy, người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng ổn định cuộc sống.

- Tổng hợp, theo dõi tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị; phối hợp với Công an Thành phố, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chỉ thị này.

8.2. Công an Thành phố

- Quản lý chặt chẽ địa bàn, xác định địa bàn phức tạp, đối tượng tội phạm hoạt động liên quan đến ma túy, mại dâm; tấn công trấn áp tội phạm liên quan đến ma túy, mại dâm; điều tra, triệt phá các tụ điểm, khu vực, tuyến đường và đường dây tổ chức mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy, hoạt động mại dâm ở các địa bàn trọng điểm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm.

- Phối hợp với Lực lượng Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội các cấp tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn xã hội để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ngăn chặn và xử lý các hoạt động sử dụng không gian mạng để môi giới mại dâm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và người sau cai nghiện tại nơi cư trú.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý địa bàn và xử lý vi phạm liên quan đến ma túy, mại dâm.

8.3. Bộ đội Biên phòng Thành phố

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và các đơn vị chức năng thực hiện hoạt động phòng, chống tội phạm về ma túy, mại dâm ở khu vực biên giới; tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý biên giới, vùng biển, đặc biệt khu vực cửa khẩu, cảng biển để kịp thời ngăn chặn hoạt động mua bán ma túy, mại dâm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

8.4. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi khiêu dâm, kích dục, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, lợi dụng cơ sở kinh doanh dịch vụ để tổ chức hoạt động mại dâm, sử dụng trái phép chất ma túy.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các hoạt động vi phạm liên quan đến lĩnh vực văn hóa, phòng, chống tệ nạn xã hội cho lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội các cấp.

- Tăng cường công tác Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, khiêu dâm, kích dục, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, đòi truy; lồng ghép các nội dung tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

8.5. Sở Du lịch

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các đơn vị có liên quan chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, du lịch, vui chơi, giải trí

nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy và hoạt động mại dâm, khiêu dâm, kích dục, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy, lợi dụng du lịch để tổ chức hoạt động.

8.6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền về lối sống lành mạnh, tác hại, hậu quả của tệ nạn ma túy, mại dâm và các biện pháp phòng, chống để người dân nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của xã hội trong công tác phòng ngừa tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc sử dụng các phương tiện thông tin, các website, blog cá nhân và các hình thức khác trên mạng internet để tổ chức mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, tổ chức hoạt động mại dâm, truyền bá các nội dung độc hại, đồi trụy.

- Phối hợp với Công an Thành phố xây dựng cơ chế xử lý đối với các đối tượng sử dụng công nghệ để tổ chức, môi giới mại dâm trên không gian mạng... góp phần xây dựng môi trường thông tin lành mạnh.

8.7. Sở Tư pháp

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm phù hợp với tình hình thực tiễn; phối hợp tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống ma túy, mại dâm.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy, mại dâm cho phù hợp với tình hình thực tế.

8.8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu, rà soát đưa nội dung giáo dục phòng, chống ma túy, mại dâm lồng ghép vào các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên; rà soát, sửa đổi, bổ sung các tài liệu tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy, mại dâm trong cơ sở giáo dục; tiếp tục triển khai các chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng, chống ma túy, mại dâm trong trường học.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và tác hại về phòng, chống ma túy, mại dâm và HIV/AIDS cho học sinh, sinh viên.

8.9. Sở Y tế

- Tổ chức triển khai dự phòng, can thiệp giảm tác hại, khám bệnh, chữa bệnh cho người nghiện ma túy, người bán dâm bị nhiễm HIV/AIDS tại các cơ sở y tế, cơ sở chữa bệnh và tại cộng đồng; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, kiểm tra việc mua bán và sử dụng các loại thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng trong y học, để phòng ngừa các đối tượng lợi dụng mua bán, sử dụng trái phép tiền chất, chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và chính quyền địa phương tiếp tục duy trì hoạt động các mô hình thí điểm; tạo điều kiện cho người bán dâm được tiếp cận các dịch vụ can thiệp dự phòng, khám và điều trị HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chương trình điều trị Methadone cho người nghiện ma túy.

8.10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8.11. Sở Công Thương

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất là tiền chất dùng để sản xuất ma túy trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với lực lượng Quản lý thị trường trên địa bàn Thành phố và các lực lượng chức năng tăng cường công tác nắm tình hình, kiểm tra, phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi mua bán, vận chuyển, lưu hành các mặt hàng thực phẩm

không có hóa đơn chứng từ hợp pháp, có nguồn gốc từ nước ngoài, nhằm phát hiện ma túy “núp bóng” thực phẩm.

8.12. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị để thực hiện công tác phòng, chống ma túy, mại dâm theo quy định.

8.13. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai các chương trình cho vay vốn ưu đãi đối với các hộ gia đình và người nhiễm HIV/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người bán dâm theo quy định.

8.14. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân Thành phố

Phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc Thành phố đẩy mạnh công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành các vụ án về ma túy, mại dâm; phối hợp tổ chức xét xử lưu động một số vụ án lớn có tính chất phức tạp về ma túy phục vụ tuyên truyền, giáo dục răn đe tội phạm; xử lý nghiêm minh đủ sức răn đe người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy phạm tội, vi phạm pháp luật; áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

8.15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố, Hội Cựu Chiến binh Thành phố, Thành Đoàn và Hội Nông dân Thành phố

- Tổ chức tuyên truyền, vận động đến các hội viên, đoàn viên, công nhân lao động và Nhân dân; đặc biệt tăng cường vận động người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo nhằm huy động rộng rãi sức mạnh của các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia công tác phòng, chống ma túy, mại dâm gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào thi đua khác ở cơ sở.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm; phối hợp tổ chức các chương trình, hành trình đến các cơ sở cai nghiện, bệnh viện, đơn vị điều trị HIV/AIDS... để cảm hóa, hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và người bán dâm tái hòa

nhập cộng đồng, tham gia kéo giảm tệ nạn ma túy, ma túy trên địa bàn Thành phố.

- Lồng ghép các hoạt động phòng, chống ma túy, ma túy với thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên chủ trì, thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng “xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, ma túy”.

8.16. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

- Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy, ma túy; xác định rõ vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền để xảy ra tệ nạn ma túy, ma túy kéo dài trên địa bàn mà không có biện pháp xử lý triệt để; đồng thời đưa kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, ma túy là một trong những chỉ tiêu bình xét thi đua, đánh giá hằng năm của địa phương.

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy, ma túy theo chiều sâu, đi vào từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, từng khu phố, ấp nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân; trong đó, tập trung các hoạt động truyền thông hướng đến thay đổi hành vi của người vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng “xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, ma túy”.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, phát hiện đấu tranh, xử lý nghiêm các cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm về tệ nạn xã hội. Yêu cầu các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cơ sở hoạt động kinh doanh về việc không để tệ nạn ma túy, ma túy xảy ra ở cơ sở mình; đồng thời thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về phòng, chống ma túy, ma túy.

- Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, tình hình tội phạm liên quan đến ma túy, các cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy, ma túy, xác định địa bàn trọng điểm để xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình tệ nạn ma túy, ma túy trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn Đội, Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra đối với một số ngành nghề, cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để phát sinh tệ nạn ma túy, mại dâm và kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm có liên quan.

- Duy trì các mô hình trợ giúp người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện tại nơi cư trú, người bán dâm thay đổi hành vi lồng ghép với các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong việc hỗ trợ vay vốn, học nghề và giới thiệu việc làm, tạo điều kiện cho họ cơ hội tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ xã hội sẵn có tại địa phương nhằm ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng một cách bền vững.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Diệu Thúy

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng